

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng 01 năm 2025

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**(Cấp điều chỉnh lần 01)**

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam: số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam; số 49/2024/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 về việc sửa đổi điểm d, khoản 1, Điều 2; điểm a, khoản 2, Điều 3; điểm a, khoản 1, Điều 4, Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 1405/GPMT-STN&MT ngày 12/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần quốc tế AAT;

Xét văn bản số 03.2025/AAT ngày 10/01/2025 của Công ty Cổ phần quốc tế AAT về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của cơ sở đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nội thất ô tô, kinh doanh dịch vụ ô tô, sản xuất khung thép tiền chế và cho thuê nhà xưởng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 1405/GPMT-STN&MT ngày 12/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần quốc tế AAT,

có địa chỉ tại Km 81+500 Quốc lộ 21, xã Trung Lương, xã An Nội, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép điều chỉnh này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 1405/GPMT-STN&MT ngày 12/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 2.** Công ty Cổ phần quốc tế AAT tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 1405/GPMT-STN&MT ngày 12/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép môi trường điều chỉnh này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 1405/GPMT-STN&MT ngày 12/6/2023 hết hiệu lực.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (*để b/c*);
- UBND huyện Bình Lục;
- Công ty Cổ phần quốc tế AAT (*để thực hiện*);
- TT TTDL&PTQĐ (*đăng web*);
- Lưu: VT, MT, HS.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Chí Thống**

**Phụ lục**  
**NỘI DUNG GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh số /GPMT-STN&MT  
ngày tháng 01 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

**1. Điều chỉnh nội dung tại Mục 2.3 Phần A Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 1405/GPMT-STN&MT ngày 12/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường, như sau:**

Điều chỉnh lưu lượng nước xả thải lớn nhất thành: 81 m<sup>3</sup>/ngày đêm (24 giờ).

**2. Điều chỉnh nội dung tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 1405/GPMT-STN&MT ngày 12/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường, như sau:**

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Nước thải sau xử lý phải đảm bảo các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, với K = 1, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

**3. Điều chỉnh nội dung tại Mục 1.1 Phần B Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 1405/GPMT-STN&MT ngày 12/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường, như sau:**

“1.1. Mạng lưới thu gom thoát nước thải”: Điều chỉnh nội dung “Trường hợp nước trong ao đầy đến cốt +2m miệng cống BTCT D400, chiều dài 40m tràn ra mương tiêu xã An Nội, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam” thành “Trường hợp nước trong ao đầy đến cốt +3m miệng cống BTCT D400, chiều dài 40m tràn ra mương tiêu xã An Nội, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam”.

**4. Điều chỉnh nội dung tại Mục 1.2 Phần B Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 1405/GPMT-STN&MT ngày 12/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường, như sau:**

1.2. Công trình thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt (nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh xử lý qua bể bastaf, nước thải khu nhà bếp xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ) => Bể bastaf => Hồ ga (bổ sung châm hóa chất khử trùng) Ao cứu hỏa (ao sinh học) => Mương tiêu xã An Nội, huyện Bình Lục.

- Công suất thiết kế: Bể bastaf (05 bể) có tổng dung tích thiết kế 404 m<sup>3</sup>.

- Hóa chất sử dụng: Cloramin B.